

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **106/2023/DS-PT**

Ngày: 06/3/2023

*V/v: Tranh chấp về tài sản chung của
đồng họ, yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng
cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô
hiệu và hủy quyết định cá biệt*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Trần Quang Minh;

Bà Phan Thị Vân Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Bùi Minh Nghĩa, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 247/2022/TLPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp về tài sản chung của đồng họ, yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và hủy quyết định cá biệt”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1617/2023/QĐPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:***

- Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1941; địa chỉ: xã N1, thành phố V, tỉnh Nghệ An (có mặt).

- Ông Nguyễn Công K, sinh năm 1947; địa chỉ: phường M1, thành phố V, tỉnh Nghệ An (có mặt).

- Ông Nguyễn Công N, sinh năm 1936; địa chỉ: phường H1, thành phố V, tỉnh Nghệ An (xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn*: Ông Nguyễn Công C, sinh năm 1925; địa chỉ: Xóm A (nay là Xóm A1), xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

- Ông Nguyễn Công C1 (con C), sinh năm 1950; địa chỉ: Xóm A (nay là Xóm A1), xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An (có mặt).

- Ông Nguyễn Công C2 (con C1), sinh năm 1984; địa chỉ: phường X, thành phố Y, tỉnh Hà Nam (có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An (xin xét xử vắng mặt).

- Anh Hồ Sỹ H, sinh năm 1970 và chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1973; địa chỉ: xã M2, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Công Q, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm A, xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Công C1 (con C), sinh năm 1950 (có mặt) và bà Thái Thị O (vợ C1), sinh năm 1955 (vắng mặt); cùng địa chỉ: Xóm A (nay là Xóm A1), xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

- Văn phòng Công chứng L; địa chỉ: Xã F, huyện Đ, tỉnh Nghệ An (xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của các đồng nguyên đơn là ông Nguyễn Công T, ông Nguyễn Công K, ông Nguyễn Công N thể hiện:

Thửa đất số 1174, tờ bản đồ số 10 diện tích 897,7m² tại Xóm A, xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An là đất hương hỏa của dòng họ Nguyễn Công - Chi Phái CP có từ năm 1765; ngôi nhà thờ trên đất là tài sản chung của dòng họ Nguyễn Công - Chi Phái CP. Nhà thờ là do cụ CT (con của cụ CP) khởi công xây dựng từ năm 1863 và con cháu sử dụng thờ cúng tổ tiên, ông bà ổn định tại nhà thờ từ đó đến nay, nhưng theo truyền thống thì thửa đất hương hỏa giao cho con trai trưởng quản lý. Hiện tại, ông Nguyễn Công C là tộc trưởng (trưởng họ) đời thứ 08 của Chi Phái CP tiếp tục quản lý đất đai, tài sản của dòng họ như truyền thống của các cụ để lại, nhưng quá trình quản lý tài sản chung của dòng họ, C đã tự ý kê khai làm thủ tục hợp thức hóa thửa đất thành tài sản riêng của ông, nên được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ) từ năm 1996 cho bà Nguyễn Thị Ch (thực chất là bà T, vợ của C) đứng tên, thể hiện tại thửa đất số 599, tờ bản đồ số 6, diện tích 820m². Năm 2015, C, bà T được UBND huyện Đ, tỉnh Nghệ An cấp đổi giấy CNQSDĐ thể hiện tại thửa đất số 1174, diện tích 897,7m². Ngày 04 tháng 7 năm 2017, ông Nguyễn Công C, bà Nguyễn Thị T tặng cho vợ

chồng anh Hồ Sỹ H và chị Nguyễn Thị P một phần đất trong thửa đất số 1174 cạnh nhà thờ với diện tích 263,7m². Ngày 10 tháng 7 năm 2017, C, bà T tiếp tục chuyển nhượng cho anh Nguyễn Công Q một phần diện tích đất, trên đó có ngôi nhà thờ họ. Việc tặng cho, chuyển nhượng đã được Văn phòng Công chứng L làm thủ tục công chứng, nhưng có tranh chấp nên chưa thực hiện được.

Vì vậy, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ số BY 754458 ngày 21 tháng 9 năm 2015 của UBND huyện Đ, tỉnh Nghệ An cấp cho ông Nguyễn Công C và vợ là bà Nguyễn Thị T đối với thửa số 1174, tờ bản đồ số 10, diện tích 897,7m² tại Xóm A, xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng tặng cho một phần diện tích thửa đất giữa ông Nguyễn Công C và bà Nguyễn Thị T với vợ chồng chị Nguyễn Thị P, anh Hồ Sỹ H và với anh Nguyễn Công Q, vô hiệu; buộc ông Nguyễn Công C và những người liên quan phải trả lại toàn bộ thửa đất số 1174 và nhà thờ cho dòng họ Nguyễn Công theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Công C và người đại diện theo ủy quyền của C trình bày:

Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là của ông bà, cha mẹ của C đã có từ trước để lại và ngôi nhà thờ là của dòng họ được xây dựng trên đất từ 06 đời trước. Tuy nhiên, theo ông Nguyễn Công C thì mặc dù nhà thờ có trên đất từ trước, nhưng đất là của gia đình ông, nên quá trình sử dụng đất, ông đã tiến hành các thủ tục đúng quy định và được UBND huyện Đ, tỉnh Nghệ An cấp giấy CNQSDĐ lâu dài; hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 672, tờ bản đồ số 10, có số hiệu là 088563-3 cũng mang tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Công C. Đến năm 2015 thì thửa đất được chia thành 02 thửa, một thửa mang tên ông Nguyễn Công C và Nguyễn Thị T (có ngôi nhà thờ và đang tranh chấp), một thửa mang tên ông Nguyễn Công C1 và bà Thái Thị O (con của C).

Theo C thì việc vợ chồng ông bà tặng, cho vợ chồng chị P, anh H một phần diện tích đất là thuộc quyền của ông bà và việc tặng, cho là được lập thành hợp đồng, có công chứng theo quy định. Đối với hợp đồng chuyển nhượng đất giữa vợ chồng C cho anh Nguyễn Công Q, cũng đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng L, nhưng không đọc lại cho C nghe và không gửi lại một bản cho ông, đồng thời trong hồ sơ có nhiều chữ ký giả mạo nên theo ông Nguyễn Công C thì ngôi nhà thờ làm trên đất đã được ông thỏa thuận nhượng cho Chi Phái CP 385m², không chuyển nhượng cho anh Quản phần diện tích đất này, nên ông đề nghị Tòa án xem xét.

Vì vậy, ông Nguyễn Công C và người đại diện theo ủy quyền không đồng ý với nội dung khởi kiện của các nguyên đơn mà đồng ý nhượng lại cho dòng họ 385m² đất tại vị trí có nhà thờ như hiện trạng.

Những người có quyền, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Nguyễn Công C1 và bà Thái Thị O (vợ của C1):

Ông C, bà T (bố mẹ của C1) là người được cấp giấy CNQSDĐ tại thửa đất hiện đang tranh chấp, đồng thời là người sử dụng, quản lý, tôn tạo từ trước đến nay. Bà Nguyễn Thị T đã chết năm 2017, không để lại di chúc, C1 và C là những thừa kế của bà T không đồng ý trả đất và yêu cầu xem xét theo đúng quy định của pháp luật để C toàn quyền về thửa đất và tài sản trên thửa đất. Nếu được trích tài sản của bà T thì C1, bà O đề nghị giao toàn quyền cho C sở hữu, sử dụng.

Theo chị Nguyễn Thị P và anh Hồ Sỹ H (chồng của chị P) trình bày: Ngày 04 tháng 7 năm 2017, bố mẹ của chị P là ông Nguyễn Công C, bà Nguyễn Thị T làm hợp đồng tặng cho vợ chồng chị P một phần đất trong thửa đất của C, bà T bên cạnh nhà thờ, diện tích khoảng 263,7m². Hợp đồng tặng cho đã hoàn thành có công chứng đầy đủ, nhưng do có tranh chấp nên chưa thực hiện được. Vợ chồng chị P, anh H không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn. Nếu Tòa án xem xét trích công sức cho bà T, chị P yêu cầu được nhận phần thừa kế theo pháp luật.

Theo anh Nguyễn Công Q trình bày: Ngày 10 tháng 7 năm 2017, ông Nguyễn Công C, bà Nguyễn Thị T làm hợp đồng chuyển nhượng cho anh Quân một phần đất thuộc thửa đất đang tranh chấp, trên đó có ngôi nhà thờ diện tích 385m². Hợp đồng chuyển nhượng đã có công chứng đầy đủ tại Văn phòng Công chứng L nhưng chưa thực hiện được. Nay, thửa đất đang tranh chấp, ông Quân đề nghị hủy hợp đồng chuyển nhượng này để trả đất cho dòng họ.

Người đại diện của Văn phòng Công chứng L trình bày: Ngày 04/7/2017 và ngày 10/7/2017, Văn phòng Công chứng L chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Công C, bà Nguyễn Thị T với vợ chồng chị Nguyễn Thị P, anh Hồ Sỹ Hà; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Công C, bà Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Công Q. Việc công chứng là đúng trình tự, thủ tục theo quy định, nhưng chưa được thực hiện trên thực tế. Nay, các đồng nguyên đơn yêu cầu tuyên vô hiệu các hợp đồng, Văn phòng Công chứng L đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

UBND huyện Đ, tỉnh Nghệ An:

Theo báo cáo của UBND xã S thì nguồn gốc thửa đất số 1174, tờ bản đồ số 10 đang tranh chấp giữa dòng họ với ông Nguyễn Công C là thửa đất do cha ông để lại. Năm 1986, thửa đất tranh chấp có số thửa 33, tờ bản đồ số 6, diện tích 860m². Năm 1996, thực hiện Luật Đất đai năm 1993, Nghị định số 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ, C thực hiện kê khai, đăng ký và đã được UBND huyện Đ, tỉnh Nghệ An cấp Giấy CNQSDĐ số I 085654 ngày 30 tháng 7 năm 1996 đối với thửa đất số 599, tờ bản đồ số 6, diện tích 820m² tại Xóm A, xã S (giấy chứng nhận mang tên bà Nguyễn Thị Ch nhưng thực tế là bà Nguyễn Thị T). Quyết định và hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ ngày 30 tháng 7 năm 1996 cho C do thời gian đã lâu, một số cán bộ đã nghỉ hưu, một số đã luân chuyển công tác khác nên hồ sơ hiện nay đã thất lạc. Tại Bản đồ năm 1999, thể hiện thửa đất tranh chấp được tách thành 02 thửa là

thửa đất số 593, diện tích 310m² và thửa đất số 599, tờ bản đồ số 6, diện tích 630m² nhưng trong sổ mục kê không kê đất của ai. Năm 2003, thửa đất đang tranh chấp được đo đạc gộp với thửa đất của ông Nguyễn Công C1 (con của C) đang sử dụng thành thửa đất số 672, tờ bản đồ số 10, diện tích 1871m² trên bản đồ ghi tên ông Nguyễn Công C. Năm 2014, thửa đất số 672, tờ bản đồ số 10 trên được đo tách thành 02 thửa là thửa đất số 1174, tờ bản đồ số 10, diện tích 897,7m², người sử dụng là ông Nguyễn Công C và thửa đất số 1175, tờ bản đồ số 10, diện tích 972,8m², người sử dụng là ông Nguyễn Công C1. Năm 2015, UBND huyện Đ, tỉnh Nghệ An cấp đổi giấy CNQSD đất số 085654 cũ thành giấy CNQSD đất số BY 754458 tại Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 mang tên ông Nguyễn Công C và vợ là bà Nguyễn Thị T đối với thửa đất số 1174, tờ bản đồ số 10, diện tích 897,7m².

Về nguồn gốc sử dụng đất là của cha ông để lại cho con cháu, theo phong tục tập quán và hiện trên thửa đất đó có 01 ngôi nhà thờ thuộc Chi Phái CP do ông Nguyễn Công C làm tộc trưởng, nhà thờ có từ lâu đời trên 150 năm tuổi. Việc UBND huyện Đ, tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 về việc thu hồi, hủy bỏ và cấp đổi đồng thời xác định lại hạn mức ở trên GCNQSDĐ cấp cho ông Nguyễn Công C và vợ là Nguyễn Thị T là đúng quy định; đề nghị Tòa án xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá ngày 05 tháng 7 năm 2019 thể hiện: Thửa đất số 1174, tờ bản đồ số 10, Xóm A, xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, có diện tích 897,7m², định giá: 170.000 đồng/01m² = 152.609.000 đồng. Các tài sản của ông Nguyễn Công C có trên đất gồm: cây ăn quả (na, vú sữa, hồng xiêm, vải...) có tổng giá trị 6.070.000 đồng; bờ kè ao có giá trị 2.422.500 đồng, bờ tường bao phía tây có giá trị 6.508.944 đồng. Các tài sản khác gồm nhà thờ, sân, tường bao khuôn viên sân, tường bao khuôn viên đất phía Bắc và phía Đông, ngõ vào và cổng chính của dòng họ, các bên thống nhất không định giá. Tổng giá trị đất và các tài sản trên đất được định giá là 167.610.444 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 158, Điều 160, Điều 164, Điều 166, Điều 211 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 13, Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 10, Điều 100, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về việc giải quyết tranh chấp về tài sản chung của dòng họ; tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T, ông Nguyễn Công K và ông Nguyễn Công N.

- Hủy Quyết định số 788/QĐ-UBND.TN ngày 21 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An về việc thu hồi, hủy bỏ và cấp đổi đồng thời

xác định lại hạn mức đất ở trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Công C, bà Nguyễn Thị T và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 754458 ngày 21 tháng 9 năm 2015 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An cấp cho ông Nguyễn Công C và bà Nguyễn Thị T đối với thửa đất số 1174, tờ bản đồ số 10, diện tích 897,7 m², tại xóm A, xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

- Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 04 tháng 7 năm 2017 giữa vợ chồng ông Nguyễn Công C, bà Nguyễn Thị T với vợ chồng anh Hồ Sỹ H, chị Nguyễn Thị P và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa vợ chồng ông Nguyễn Công C, bà Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Công Q về việc tặng cho và chuyển nhượng một phần diện tích thửa đất số 1174, tờ bản đồ số 10, tại xóm A, xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An được công chứng tại Văn phòng Công chứng L là vô hiệu.

- **Giao cho các đồng nguyên đơn ông Nguyễn Công T, ông Nguyễn Công K và ông Nguyễn Công N được quyền** sử dụng toàn bộ thửa đất số 1174, tờ bản đồ số 10, diện tích 897,7 m², tại Xóm A, xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An (là tài sản chung của dòng họ) và các tài sản trên đất (là tài sản chung của dòng họ) bao gồm: Ngôi nhà thờ cấp bốn, ba gian sân gạch, tường bao khuôn viên sân, bờ bao quanh khuôn viên đất, ao, cổng giữa khuôn viên đất, cổng sắt ngoài và các cây cối (na, vú sữa, hồng xiêm, bưởi, vải...).

Thửa đất được giao có tứ cận được xác định như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 608 của ông Nguyễn Công D dài 18,96 mét; phía Đông giáp thửa đất số 631 của bà Nguyễn Thị H dài 5,72 mét và giáp thửa đất số 1175 của ông Nguyễn Công C1, bà Thái Thị O dài 8,86 mét + 16,92 mét + 1,49 mét + 9,24 mét = 36,51 mét; phía Tây giáp đường xóm (đường bê tông) dài 17,58 mét + 21,24 mét + 1,59 mét = 40,41 mét; phía Nam giáp đường xóm (đường nhựa) dài 1,43 mét + 6,94 mét + 6,14 mét + 2,60 mét + 6,62 mét = 23,73 mét (*ranh giới thửa đất có sơ đồ kèm theo Bản án được giới hạn bởi các điểm ABCDEFGHIKLMNP*).

- Buộc ông Nguyễn Công C và các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị T (ông Nguyễn Công C1, chị Nguyễn Thị P) phải giao thửa đất số 1174, tờ bản đồ số 10, diện tích 897,7 m², tại Xóm A, xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An và các tài sản trên đất gồm: Ngôi nhà thờ cấp bốn, ba gian (là tài sản có trước của cộng đồng dòng họ), sân gạch, tường bao khuôn viên sân, bờ bao quanh khuôn viên đất, ao, cổng giữa khuôn viên đất, cổng sắt ngoài và các cây cối (na, vú sữa, hồng xiêm, bưởi, vải...) **cho ông Nguyễn Công T, ông Nguyễn Công N, ông Nguyễn Công K (là tài sản chung của dòng họ).**

- **Buộc ông Nguyễn Công T, ông Nguyễn Công N, ông Nguyễn Công K cùng liên đới trả** cho ông Nguyễn Công C giá trị đất và các tài sản trên đất là 102.160.444 đồng (Một trăm linh hai triệu, một trăm sáu mươi nghìn, bốn trăm bốn mươi tư

đồng); kỷ phần mỗi người phải trả là 34.053.481 đồng (Ba mươi tư triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm tám mươi một đồng).

Các đương sự có nghĩa vụ, trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/4/2022, bị đơn là ông Nguyễn Công C có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Ngày 29/4/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có Quyết định kháng nghị số 838/QĐ-VKS-DS đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 04/5/2022, nguyên đơn là các ông Nguyễn Công T, Nguyễn Công K, Nguyễn Công N có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng ngôi nhà thờ cùng toàn bộ diện tích đất 897,7m² nêu trên là của dòng họ, nhưng ông Nguyễn Công C đã tự kê khai đăng ký và được cấp giấy CNQSDĐ đứng tên cá nhân; quá trình quản lý đã tự ý tặng cho, chuyển nhượng đất của dòng họ cho người khác, nên các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu C trả lại tài sản cho dòng họ, không phải đòi lại cho cá nhân các nguyên đơn. Đồng thời, các nguyên đơn cho rằng C không có con trai nối dõi và trong quá trình quản lý nhà thờ, tài sản của dòng họ, C khóa cổng, khóa cửa không cho các thành viên dòng họ vào nhà thờ; mỗi khi muốn vào nhà thờ là phải xin phép C, nên các nguyên đơn yêu cầu C trả lại quyền quản lý nhà thờ và tài sản của dòng họ cho dòng họ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc các nguyên đơn phải trả lại giá trị tài sản cho C là không đúng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại.

Đại diện bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng toàn bộ diện tích đất nêu trên là của gia đình bị đơn có từ nhiều đời trước để lại, không có chứng cứ

chứng minh đất là của dòng họ, nhưng theo truyền thống thì nhà thờ họ được xây dựng trên đất của trưởng họ và trưởng họ trực tiếp quản lý nhà thờ. Hiện tại C đang là trưởng họ nên việc ông trực tiếp quản lý nhà thờ là theo đúng truyền thống từ nhiều đời trước để lại, nên đại diện bị đơn không đồng ý giao lại quyền quản lý nhà thờ và không đồng ý giao lại đất của gia đình bị đơn cho dòng họ như quyết định của Tòa án sơ thẩm. Tuy nhiên, nhà thờ được xây dựng trên đất từ nhiều đời trước, nên gia đình C đồng ý nhượng lại cho dòng họ thửa đất có nhà thờ theo hiện trạng là 385m²; phần diện tích đất còn lại là của gia đình C đã được cấp giấy CNQSDĐ, nên không đồng ý trả lại như yêu cầu của các nguyên đơn. Việc các nguyên đơn nêu lý do C không có con trai là không đúng, xúc phạm đến uy tín, danh dự của người khác. Ngoài ra, đề nghị xem xét lại nguồn gốc, quá trình sử dụng và hiện trạng khu đất như tài liệu của bị đơn đã cung cấp có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên tại phiên tòa phúc thẩm đã khẳng định các nội dung nêu tại Quyết định kháng nghị số 838/QĐ-VKS-DS ngày 29/4/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở những ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục phúc thẩm

Ngày 28/4/2022, bị đơn là ông Nguyễn Công C có đơn kháng cáo; ngày 04/5/2022, nguyên đơn là các ông Nguyễn Công T, Nguyễn Công K, Nguyễn Công N có đơn kháng cáo; ngày 29/4/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có quyết định kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An là trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, một số đương sự vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Công C thừa nhận ngôi nhà thờ là tài sản chung của dòng họ được xây dựng từ năm 1863, trên đất của ông bà từ

các đời trước để lại và hiện tại đang do C quản lý với tư cách trưởng họ; các đồng nguyên đơn khởi kiện đề nghị xác định nhà, đất đang do bị đơn quản lý là tài sản chung của dòng họ và đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cá nhân bị đơn để trả lại cho dòng họ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về tài sản chung của dòng họ và xác định nguyên đơn gồm các ông Nguyễn Công T, Nguyễn Công K, Nguyễn Công N là có căn cứ và đúng theo quy định tại Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về việc giải quyết tranh chấp về tài sản chung của dòng họ.

Về xác định thành viên dòng họ: Điều 2 Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định “Thành viên dòng họ là cá nhân trong dòng họ được xác định theo tập quán phổ biến, được thừa nhận nơi dòng họ tồn tại. Các bên tranh chấp có trách nhiệm cung cấp họ, tên, địa chỉ của thành viên dòng họ”. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã cung cấp danh sách thành viên dòng họ theo yêu cầu của Tòa án, nhưng một số thành viên dòng họ như ông Nguyễn Công C3, ông Nguyễn Công C2 không đồng ý với danh sách này (Bl 833; 840) và cung cấp danh sách có số lượng thành viên khác, đồng thời đề nghị xác minh, làm rõ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Gia phả CP do ông Nguyễn Công C biên soạn năm 2014 và các danh sách thành viên dòng họ do các bên cung cấp để xác định số lượng thành viên dòng họ là 43 người mà không tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ khác như đối chất, thu thập ý kiến của cộng đồng dân cư, hỏi ý kiến các thành viên khác của dòng họ... để xác định số lượng thành viên dòng họ theo tập quán phổ biến, được thừa nhận nơi dòng họ tồn tại (bao gồm cả các trường hợp có địa chỉ và chưa xác định được địa chỉ); **không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tham gia trình bày ý kiến theo quy định là vi phạm các thủ tục hòa giải và chuẩn bị xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chưa bảo đảm tính khách quan, chính xác trong việc xác định thành viên dòng họ.**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì: “a) Trường hợp đương sự cung cấp được địa chỉ của thành viên dòng họ thì Tòa án đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; b) Trường hợp đương sự không cung cấp được địa chỉ của thành viên dòng họ thì Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quyền, nghĩa vụ của thành viên dòng họ chưa tham gia tố tụng sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu”. Tại Thông báo số 16/TB-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thành viên dòng họ Nguyễn Công - Chi Phái CP Xóm A1 xã S có 43 người và thông báo cho các thành viên dòng họ được quyền tham gia tố tụng trong vụ án (BL 826 - 829), nhưng không đưa những

người đã xác định được địa chỉ vào tham gia tổ tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, là vi phạm về thủ tục tố tụng, không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm.

Ngoài ra, vụ án này được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý mới sau khi đã đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 19/2021/TLST-DS ngày 16/3/2021 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và yêu cầu hủy quyết định cá biệt” (BL 678), nhưng toàn bộ hồ sơ vụ án đã bị đình chỉ giải quyết vẫn được Tòa án cấp sơ thẩm mặc nhiên coi như đang tiếp tục giải quyết là chưa đúng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các thành viên trong dòng họ đều thừa nhận ngôi nhà thờ được xây dựng trên thửa đất số 1174 từ năm 1863 làm nơi thờ cúng, hàng năm, con cháu trong dòng tộc về tổ chức cúng tế tổ tiên theo phong tục và quá trình sử dụng, các thành viên dòng họ có đóng góp sửa chữa, tôn tạo khuôn viên đất, nhà thờ nhiều lần. Thửa đất có ngôi nhà thờ dòng họ Nguyễn Công - Chi Phái CP tại Xóm A, xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An có từ lâu đời, qua nhiều lần đo đạc thể hiện từng thửa đất riêng (thửa đất số 33, thửa đất số 593), diện tích 310m²; kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/7/2019 thể hiện trên thửa đất có ngôi nhà thờ, cổng, khuôn viên riêng biệt, xung quanh đã được xác định bằng tường bao, chủ yếu do con cháu trong họ đóng góp cùng xây dựng.

Theo C thừa nhận thì có 385m² là đất nhà thờ của dòng họ Nguyễn Công - Chi Phái CP tại xóm A, xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An và đồng ý để lại cho dòng họ diện tích đất này, nên có căn cứ để chấp nhận một phần nội dung khởi kiện của các đồng nguyên đơn. Các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu toàn bộ thửa đất là đất hương hỏa nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh, nên không có căn cứ chấp nhận toàn bộ thửa đất số 1174 là đất của dòng họ.

Xét nguồn gốc đất là có đời trước để lại, ông Nguyễn Công C tiếp tục sử dụng theo phong tục tập quán, tiến hành kê khai và được cấp giấy CNQSDĐ, nhưng quá trình sử dụng trên thực tế, dòng họ đã đóng góp công sức, tài sản để xây tường bao quanh, xây cổng vào nhà thờ. C cũng đã có chỗ ở ổn định là nhà riêng xây dựng từ năm 1958, cạnh nhà thờ, ở trên khuôn viên đất của ông Nguyễn Công C1. Để bảo đảm quyền lợi cho gia đình C cũng như cộng đồng dòng họ cần xác định phần đất còn lại của thửa đất số 1174 bao gồm $897,7\text{m}^2 - 385\text{m}^2 = 512,7\text{m}^2$ là di sản thừa kế của bố mẹ C và C là người thừa hưởng theo giấy tờ pháp lý. Trên thực tế, C đã thống nhất cho dòng họ làm cổng, xây tường bao quanh nên cần tiếp tục để dòng họ được quyền sử dụng đất nhưng dòng họ (đại diện là các đồng nguyên đơn) phải trả lại cho C giá trị đất cũng như cây cối do C đã trồng và bờ kè ao, phần tường C đã xây dựng.

Việc chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị T, do chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét; C1, chị P có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác nếu có tranh chấp.

[2.2] Một số nội dung chưa được làm rõ:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất 512,7m² là di sản thừa kế của bố mẹ C và C là người thừa hưởng, nhưng trong hồ sơ vụ án không có các tài liệu, chứng cứ để xác định tài sản đang tranh chấp với dòng họ có phải là di sản thừa kế hay không; có tranh chấp về thừa kế liên quan đến tài sản dòng họ hay không... Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận lời trình bày của chị P yêu cầu được nhận phần thừa kế theo pháp luật, nếu Tòa án quyết định trích công sức cho bà T, nhưng lại cho rằng việc thừa kế di sản của bà Nguyễn Thị T là do chị Nguyễn Thị P không yêu cầu nên không xem xét; C1, chị P có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác nếu có tranh chấp, là chưa giải quyết triệt để vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người có quyền được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định diện tích đất 512,7m² thuộc quyền sử dụng của gia đình C và buộc phải giao diện tích đất này cho dòng họ, nhưng trong hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ đánh giá việc giao hoặc không giao thêm diện tích đất 512,7m² như nêu trên cho dòng họ thì có ảnh hưởng như thế nào đối với các bên đương sự (đất dòng họ đã được xác định là 385m² theo hiện trạng, có công và lối đi riêng) là chưa thu thập đầy đủ chứng cứ để giải quyết vụ án một cách khách quan.

Việc xem xét, thẩm định và định giá đã được tiến hành từ ngày 05 tháng 7 năm 2019 (đây là tài liệu thuộc vụ án đã đình chỉ giải quyết), nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ; không định giá lại mà căn cứ vào tài liệu của vụ án đã đình chỉ giải quyết để xác định hiện trạng và giá trị tài sản đang tranh chấp trong vụ án này là không phản ánh đúng hiện trạng tài sản tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với vụ án này, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự (tại phiên tòa sơ thẩm đại diện bị đơn đã có ý kiến không đồng ý với kết quả định giá trước đây và kháng cáo của bị đơn cũng thể hiện nội dung đề nghị áp dụng mức giá thị trường). Đồng thời, do không xem xét thẩm định tại chỗ nên không đủ chứng cứ để đánh giá đối với từng loại tài sản cụ thể có trên diện tích đất mà Tòa án đã quyết định giao cho dòng họ; ranh giới, mốc giới thửa đất khi giao cho dòng họ có ảnh hưởng như thế nào đến tài sản trên đất và các thửa đất liền kề còn lại.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thừa nhận nhà thờ họ được xây dựng từ năm 1863 và theo phong tục tập quán của dòng họ có từ nhiều đời thì trưởng họ là người trực tiếp trông coi và quản lý nhà thờ, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ lý do buộc C (đang với tư cách là trưởng họ) phải giao lại

quyền trông coi, quản lý nhà thờ; buộc C phải giao lại cho dòng họ diện tích đất trên đó có nhà thờ và các tài sản khác, nhưng không xem xét trích công sức quản lý tài sản của dòng họ là chưa giải quyết toàn diện vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bị đơn.

Những thiếu sót trên đây là không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm.

[2.3] Tại phiên tòa các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình như đã trình bày và đề nghị xem xét lại các nội dung nhận định và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Tuy nhiên, như đã nhận định ở những phần trên thì các vi phạm và thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm để quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền, nghĩa vụ liên quan khác được bảo đảm.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An là có cơ sở để xem xét chấp nhận.

Khi giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần lưu ý những nội dung đã được Tòa án cấp phúc thẩm nhận định trong bản án này và căn cứ vào kết quả giải quyết lại vụ án để xem xét quyết định đầy đủ, rõ ràng, cụ thể, đúng quy định pháp luật đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tránh gây khó khăn khi thi hành bản án.

[4] Bản án sơ thẩm bị hủy nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 và khoản 3 Điều 148 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An; hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí: Đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.
Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Minh

Phan Thị Vân Hương

Hồ Sỹ Hưng

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An (kèm hồ sơ vụ án);
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, P.HCTP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Sỹ Hưng